

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2025/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia  
các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương  
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Xét Tờ trình số 2246/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực: Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia

các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương tỉnh Quảng Bình năm 2025; Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2025.

*Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025./.*

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY ĐỊNH**

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Các nội dung khác liên quan đến phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan nhà nước, cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã;

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 3. Nguyên tắc phân cấp**

1. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu

a) Chú trọng khả năng đáp ứng nhu cầu chi tại chỗ, khuyến khích khai thác nguồn thu, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó;

b) Phân cấp tối đa nguồn thu trên địa bàn để bảo đảm nhiệm vụ chi được giao;

c) Ngân sách cấp xã được phân chia nguồn thu từ các khoản thu mang tính ổn định nhằm đảm bảo cân đối và chủ động điều hành cho ngân sách cấp xã;

d) Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ và các nguồn thu không ổn định hàng năm;

2. Nguyên tắc phân cấp nhiệm vụ chi

a) Việc ban hành và thực hiện chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp;

b) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm, trừ các trường hợp sau:

Ngân sách cấp dưới hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong trường hợp cần khẩn trương huy động lực lượng cấp trên khi xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp cấp thiết khác để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, an ninh và trật tự, an toàn xã hội của địa phương;

Các đơn vị cấp trên quản lý đóng trên địa bàn khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới;

Sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để hỗ trợ địa phương khác khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và một số nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác;

Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình.

c) Ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau:

Thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác của cấp trên phân giao cho cấp dưới thực hiện.

Hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới.

Hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ cụ thể khác của địa phương.

Hỗ trợ cho các địa phương có các dự án đầu tư đóng góp tích cực vào thu ngân sách nhà nước; các địa phương chịu ảnh hưởng môi trường do khai thác khoáng sản,

nhà máy nhiệt điện, điện gió; các địa phương nằm trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng... theo khả năng của ngân sách tỉnh.

d) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước thuộc ngân sách cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình thì phải phân bổ và giao dự toán cho cơ quan cấp dưới được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ chi đó. Cơ quan nhận kinh phí ủy quyền phải quyết toán với cơ quan ủy quyền khoản kinh phí này.

đ) Ngân sách cấp xã được sử dụng để hỗ trợ hoạt động của thôn, bản trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng nhỏ và triển khai các mô hình phát triển cộng đồng; hỗ trợ cho an ninh, quốc phòng ở cơ sở (công an xã, ban chỉ huy quân sự cấp xã) trong phạm vi ngân sách được giao.

#### **Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh**

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%:

- a) Tiền cho thuê mặt nước;
- b) Tiền thu sử dụng khu vực biển (do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao);
- c) Thuế bảo vệ môi trường (đối với phần ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương);
- d) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà do cấp tỉnh quản lý);
- đ) Thu từ hoạt động xổ số;
- e) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu;
- g) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;
- h) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trừ phí tham quan du lịch, sau khi được trừ phần trích lại theo quy định (đơn vị thuộc tỉnh quản lý thu);

i) Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào cửa khẩu tỉnh Quảng Trị;

k) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp);

l) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp);

m) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu (đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp);

n) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thực hiện);

o) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp);

p) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

q) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

r) Thu tiền đền bù cho tỉnh;

s) Thu ngân sách tỉnh chuyển nguồn năm trước sang năm sau;

t) Thu bổ sung từ ngân sách trung ương;

u) Thu kết dư ngân sách tỉnh;

v) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (do đơn vị cấp tỉnh quản lý nộp);

x) Tiền chậm nộp các khoản thu do cấp tỉnh hưởng;

y) Tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã:

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu);

b) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu;

c) Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng);

- d) Thuế thu nhập cá nhân;
- đ) Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- e) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản;
- g) Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
- h) Tiền thuê đất;
- i) Thu tiền sử dụng đất;
- k) Các khoản thu tham quan du lịch (phí, thu khác tại khu du lịch,...).

### **Điều 5. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh**

#### 1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công;

b) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình;

c) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Cấp bù chênh lệch lãi suất; phí quản lý và ủy thác cho vay qua Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

e) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên: Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý theo phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Bao gồm hoạt động giáo dục trung học phổ thông, dân tộc nội trú, các hoạt động giáo dục dạy nghề khác; đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phân giao địa phương quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về y tế; chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp y tế theo phân cấp quản lý của địa phương; chi công tác phòng chống dịch bệnh; công tác dân số và gia đình; bảo hiểm y tế các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các hoạt động y tế khác; hỗ trợ phục vụ công tác khám, chữa bệnh, tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở y tế trên địa bàn;

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin:

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

g) Sự nghiệp thể dục thể thao;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do tỉnh quản lý bao gồm hoạt động điều tra, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường; khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường và hoạt động bảo vệ môi trường khác;

i) Các hoạt động kinh tế do các cơ quan cấp tỉnh quản lý;

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật;

l) Chi bảo đảm xã hội: Bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật các hoạt động xã hội khác;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.

6. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.

7. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.

8. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ khác quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 3 quy định này.

## **Điều 6. Nguồn thu của ngân sách cấp xã**

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

- a) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
  - b) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
  - c) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà do cấp xã quản lý);
  - d) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trừ phí tham quan du lịch, sau khi được trừ phần trích lại theo quy định (đơn vị thuộc cấp xã quản lý thu);
  - đ) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp);
  - e) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp);
  - g) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp);
  - h) Lệ phí trước bạ;
  - i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện (cấp xã thực hiện);
  - k) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp);
  - l) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho cấp xã;
  - m) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;
  - n) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
  - o) Thu tiền đền bù cho cấp xã;
  - p) Thu ngân sách cấp xã chuyển nguồn năm trước sang năm sau;
  - q) Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh;
  - r) Thu kết dư ngân sách cấp xã;
  - s) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp);
  - t) Tiền chậm nộp các khoản thu do cấp xã hưởng;
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã: Theo khoản 2 Điều 4 quy định này.

**Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã****1. Chi đầu tư phát triển:**

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được phân cấp theo quy định;

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho từng dự án nhất định, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào quản lý theo các lĩnh vực;

c) Chi đầu tư các trường thuộc cấp xã quản lý;

d) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

**2. Chi thường xuyên:**

Chi thường xuyên các lĩnh vực do cấp xã quản lý:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo tại các trường, đơn vị thuộc cấp xã quản lý;

b) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phân giao cấp xã quản lý; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách tỉnh;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp y tế theo phân cấp quản lý của địa phương; Chi công tác phòng chống dịch bệnh; công tác dân số và gia đình; bảo hiểm y tế các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các hoạt động y tế khác; Hỗ trợ phục vụ công tác khám, chữa bệnh trên địa bàn cấp xã;

e) Sự nghiệp văn hoá thông tin;

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

h) Sự nghiệp thể dục thể thao;

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

k) Các hoạt động kinh tế;

l) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật;

m) Chi bảo đảm xã hội: Chi chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng do xã quản lý; Chi thăm hỏi gia đình chính sách, người có công; người cao tuổi và công tác xã hội khác (theo phân cấp);

n) Các khoản chi khác theo quy định pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp xã sang năm sau.

4. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 3 quy định này.

**Điều 8. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách**

Tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách quy định tại khoản 2 Điều 4 và khoản 2 Điều 6 Quy định này tại Phụ lục kèm theo.

**Phụ lục**  
**PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC**  
**CẤP NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2026**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND  
ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
<b>I</b>	<b>NGUỒN THU ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH CÁC CẤP HƯỞNG 100%</b>				
1	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100		100	
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100		100	
3	Tiền cho thuê mặt nước	100	100		
4	Tiền thu sử dụng khu vực biển (Do UBND tỉnh quyết định giao)	100	100		
5	Thuế bảo vệ môi trường (Phần NSĐP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSĐP)	100	100		
6	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
	<i>Nhà do cấp tỉnh quản lý</i>	100	100		
	<i>Nhà do cấp xã quản lý</i>	100		100	
7	Thu từ hoạt động xổ số	100	100		
8	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu	100	100		
9	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương	100	100		
10	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp				

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	<b>dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật trừ phí tham quan du lịch (sau khi được trừ phần trích lại theo quy định)</b>				
	<i>Đơn vị thuộc tỉnh quản lý thực hiện thu</i>	100	100		
	<i>Đơn vị thuộc cấp xã quản lý thực hiện thu</i>	100		100	
11	<b>Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào cửa khẩu tỉnh Quảng Trị</b>	100	100		
12	<b>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải</b>				
	<i>Đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp</i>	100	100		
	<i>Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp</i>	100		100	
13	<b>Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản</b>				
	<i>Đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp</i>	100	100		
	<i>Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp</i>	100		100	
14	<b>Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu</b>				
	<i>Đơn vị thuộc tỉnh quản lý nộp</i>	100	100		
	<i>Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp</i>	100		100	
15	<b>Lệ phí trước bạ</b>	100		100	
16	<b>Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện</b>				
	<i>Các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh thực hiện</i>	100	100		
	<i>Các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã thực hiện</i>	100		100	
17	<b>Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công</b>				
	<i>Đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý nộp</i>	100	100		
	<i>Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp</i>	100		100	
18	<b>Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho chính quyền địa phương</b>				
	<i>Thu viện trợ của cấp tỉnh</i>	100	100		

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	<i>Thu viện trợ của cấp xã</i>	100		100	
19	<b>Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</b>	100		100	
20	<b>Thu huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân</b>				
	<i>Đóng góp cho cấp tỉnh</i>	100	100		
	<i>Đóng góp cho cấp xã</i>	100		100	
21	<b>Thu tiền đền bù</b>				
	<i>Tiền đền bù cho cấp tỉnh</i>	100	100		
	<i>Tiền đền bù cho cấp xã</i>	100		100	
22	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau</b>				
	<i>Ngân sách cấp tỉnh chuyển nguồn</i>	100	100		
	<i>Ngân sách cấp xã chuyển nguồn</i>	100		100	
23	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>				
	<i>Ngân sách Trung ương bổ sung cho Ngân sách cấp tỉnh</i>	100	100		
	<i>Ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho ngân sách cấp xã</i>	100		100	
24	<b>Thu kết dư ngân sách địa phương</b>				
	<i>Thu kết dư ngân sách tỉnh</i>	100	100		
	<i>Thu kết dư ngân sách cấp xã</i>	100		100	
25	<b>Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật</b>				
	<i>Đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý nộp</i>	100	100		
	<i>Đơn vị thuộc cấp xã quản lý nộp</i>	100		100	
26	<b>Tiền chậm nộp các khoản thu</b>				
	<i>Chậm nộp đối với các khoản thu do cấp tỉnh hưởng</i>	100	100		
	<i>Chậm nộp đối với các khoản thu do cấp xã hưởng</i>	100		100	
27	<b>Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa</b>	100	100		
II	<b>NGUỒN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ</b>				
1	<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu)</b>				<i>Phân chia nguồn thu đối với phần NSDP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSDP)</i>
	<i>Thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp do thuế tỉnh quản lý</i>	100	100		

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
	<i>Thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp do thuế cơ sở quản lý</i>	100		100	
2	<b>Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu</b>				<i>Phân chia nguồn thu đối với phần NSDP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSDP)</i>
	<i>Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý</i>	100	100		
	<i>Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý</i>	100		100	
	<i>Thu từ đơn vị hộ kinh doanh cá thể do thuế cơ sở quản lý</i>	100		100	
3	<b>Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng)</b>				<i>Phân chia nguồn thu đối với phần NSDP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSDP)</i>
	<i>Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý</i>	100	100		
	<i>Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý</i>	100		100	
4	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>				<i>Phân chia nguồn thu đối với phần NSDP được hưởng theo tỷ lệ điều tiết giữa NSTW và NSDP)</i>
	<i>Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý</i>	100	100		
	<i>Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý</i>	100		100	
5	<b>Thuế tài nguyên, trừ thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí</b>				
	<i>Thu từ các đơn vị do thuế tỉnh quản lý</i>	100	100		
	<i>Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý</i>	100		100	
6	<b>Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</b>				
6.1	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép)		30		<i>NSTW hưởng 70%; NSDP hưởng 30% (trong đó: cấp tỉnh: 30%)</i>
6.2	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (do UBND tỉnh cấp phép)				
	<i>Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý</i>	100	100		
	<i>Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý</i>	100		100	

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
7	<b>Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước</b>				
7.1	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước (do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép)		30		<i>NSTW hưởng 70%; NSĐP hưởng 30% (trong đó: cấp tỉnh: 30%)</i>
7.2	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước (do UBND tỉnh cấp phép)				
	<i>Thu từ đơn vị do thuế tỉnh quản lý</i>	100	100		
	<i>Thu từ đơn vị do thuế cơ sở quản lý</i>	100		100	
8	<b>Tiền thuê đất</b>				
	<i>Thu tiền thuê đất từ các đơn vị do thuế tỉnh quản lý</i>		85		<i>NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 85%)</i>
	<i>Thu tiền thuê đất từ các đơn vị do thuế cơ sở quản lý</i>			85	<i>NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp xã: 85%)</i>
9	<b>Thu tiền sử dụng đất</b>				
9.1	Đất do UBND tỉnh quyết định đầu tư				
	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu đô thị do các nhà đầu tư thực hiện		85		<i>NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 85%)</i>
	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án tạo quỹ đất do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện trên địa bàn cấp xã		75	10	<i>NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 75%, cấp xã: 10%)</i>
9.2	Đất do UBND cấp xã quyết định đầu tư, thu từ các dự án do cấp huyện cũ thực hiện (cấp tỉnh quyết định đầu tư), thu chuyển mục đích sử dụng đất và thu từ sử dụng đất còn lại				
	Thu tiền sử dụng đất từ các dự án tạo quỹ đất do cấp xã thực hiện (bao gồm cả phân đầu tư hạ tầng, GPMB)				<i>Trường hợp chi phí thanh toán đầu tư hạ tầng và GPMB cao hơn kinh phí thu được</i>

STT	Nội dung	Tổng số (%)	Tỷ lệ phân trăm (%) phân chia giữa các cấp		Ghi chú
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
					<i>theo tỷ lệ điều tiết quy định, ngân sách tỉnh đảm bảo chi trả phần chênh lệch</i>
	<i>Trên địa bàn phường Đồng Hới</i>		45	40	<i>NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó tỉnh: 45%, phường: 40%)</i>
	<i>Trên địa bàn phường Đông Hà</i>		35	50	<i>NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó tỉnh: 35%, phường: 50%)</i>
	<i>Trên địa bàn các xã biên giới, đặc biệt khó khăn, đặc khu</i>		15	70	<i>NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 15%, cấp xã: 70%)</i>
	<i>Trên địa bàn các xã, phường còn lại</i>		25	60	<i>NSTW hưởng 15%; NSĐP hưởng 85% (trong đó: cấp tỉnh: 25%, cấp xã: 60%)</i>
<b>10</b>	<b>Các khoản thu tham quan du lịch (phí, thu khác tại khu du lịch,...)</b>	100	50	50	